

TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI
DO CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CTTL ĐẮK NÔNG QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số /BC-KTTL ngày tháng năm 2018 của Công ty TNHH MTV Khai thác CTTL Đắk Nông)

Ngày cập nhật: Ngày 04 tháng 4 năm 2018

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
I	Thị xã Gia Nghĩa		7.091,090			6.880,520	97,03		
1	Hồ Nam Dạ	Đắk Nia	1.082,400	Tự do	-0,40	1.065,210	98	Đảm bảo	
2	Hồ Chế Biển	Đắk Nia	689,800	Tự do	-0,10	685,910	99	Đảm bảo	
3	Hồ Fai Kol Poul Đăng	Đắk Nia	230,000	Tự do	-0,80	224,350	98	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Noh (Đắk Đô)	Đắk Nia	426,600	Tự do	-0,97	402,390	94	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Cút	Đắk Nia	790,100	Tự do	-1,27	747,660	95	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2B	Đắk Nia	355,690	Tự do	-0,60	352,510	99	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Rial	Đắk Nia	306,190	Tự do	-1,27	285,150	93	Đảm bảo	
8	Hồ Rẫy Mới	Quảng Thành	574,500	Tự do	-1,00	568,680	99	Đảm bảo	
9	Hồ Tân Hiệp 1	Đắk R'moan	772,160	Tự do	-0,80	718,720	93	Đảm bảo	
10	Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú	Nghĩa Phú	68,900	Tự do	-1,70	59,570	86	Đảm bảo	
11	Hồ Sinh Ba	Nghĩa Trung	603,750	Cửa van	-0,05	599,440	99	Đảm bảo	
12	Hồ Tô 5	Nghĩa Trung	300,000	Tự do	-0,50	288,540	96	Đảm bảo	
13	Hồ Tô 6	Nghĩa Trung	286,000	Tự do	-0,60	276,510	97	Đảm bảo	
14	Hồ Đắk Nút	Nghĩa Đức	605,000	Tự do	0,02	605,880	100	Đảm bảo	
II	Huyện Krông Nô		22.234,310			16.832,770	75,71		
1	Công trình thủy lợi Đắk Rồ	Đắk Đ'rô	12.230,000	Cửa van	-5,90	9.649,190	79	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Nang	Đắk Nang	3.600,000	Tự do	-1,10	2.445,580	68	Đảm bảo	
3	Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)	Nam Đà	3.264,920	Tự do	- 1,60	2.697,110	83	Không đảm bảo	
4	Hồ Đắk Hou	Nâm N'Dir	456,900	Tự do	-0,70	430,020	94	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Pok	Nâm N'Dir	846,000	Tự do	-0,80	733,200	87	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mhang	Nam Nung	695,000	Tự do	-1,70	501,310	72	Đảm bảo	
7	Hồ Buôn Rcập	Nam Nung	598,520	Tự do	-4,00	218,510	37	Không đảm bảo	
8	Hồ Buôn Dong	Quảng Phú	173,870	Tự do	-3,00	60,720	35	Không đảm bảo	
9	Hồ Buôn Lang	Quảng Phú	369,100	Tự do	-4,20	97,130	26	Đảm bảo	
10	Trạm bơm Đắk Rền	Nâm N'Dir						Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1	Nâm N'Dir			1,00			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1A	Nâm N'Dir			0,70			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 2	Nâm N'Dir			0,80			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 3	Nâm N'Dir			0,60			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 4	Nâm N'Dir			0,60			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 5	Nâm N'Dir			Kiệt			Không đảm bảo	
11	Trạm bơm Buôn Choách	Buôn Choách			1,50			Đảm bảo	
12	Trạm bơm D12 Buôn Suk	Quảng Phú			1,50			Đảm bảo	
III	Huyện Đắk Song		12.611,230			11.282,435	89,46		
1	Hồ Đắk Toa	Thuận Hà	1.717,660	Tự do	-1,00	1.431,380	83	Đảm bảo	
2	Hồ Sinh Muổng	Thuận Hạnh	1.431,000	Tự do	-0,10	1.395,230	98	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Kuăl	Đắk N'Drung	1.230,700	Cửa van	-0,58	1.140,340	93	Đảm bảo	
4	Đập Đắk Nhai	Trường Xuân	1.064,700	Tự do	-0,70	975,980	92	Đảm bảo	
5	Hồ Cư Prông	Đắk Mol	115,000	Tràn giềng	-1,30	85,690	75	Không đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mol	Đắk Mol	759,000	Tự do	-0,10	738,490	97	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk RLon	T.T Đức An	907,670	Cửa van	-0,27	881,320	97	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Muổng	T.T Đức An	321,500	Tràn giềng	-3,20	167,950	52	Không đảm bảo	
9	CTTL Đắk Lép	Nâm N'Jang	641,800	Tự do	-0,60	590,460	92	Đảm bảo	
10	Thủy lợi Nâm N'Jang	Nâm N'Jang	563,950	Cửa van	-0,25	535,180	95	Đảm bảo	
11	Hồ Đắk Pông Bê	Đắk N'DRung	748,800	Tự do	-0,70	677,000	90	Đảm bảo	
12	Hồ Suối Đá	Đắk N'DRung	252,000	Tự do	-0,85	192,500	76	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 2	Đắk N'DRung	145,000	Tự do	0,06	142,825	99	Đảm bảo	
14	Hồ Thôn 5	Đắk N'DRung	135,000	Cửa van	-0,45	119,000	88	Không đảm bảo	
15	Hồ Thôn 7 (Bu Bong)	Đắk N'DRung	114,000	Tự do	-0,25	101,050	89	Không đảm bảo	
16	Hồ Thuận Tân	Thuận Hạnh	262,000	Tự do	-0,80	231,620	88	Không đảm bảo	
17	Hồ Thuận Thành	Thuận Hạnh	742,600	Cửa van	-0,75	681,400	92	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Mrung	Thuận Hạnh	479,950	Tự do	-0,30	426,620	89	Đảm bảo	
19	Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)	Trường Xuân	455,900	Tràn giềng	-0,70	389,410	85	Không đảm bảo	
20	Hồ Thôn 3	Trường Xuân	249,500	Tự do	-1,70	175,320	70	Không đảm bảo	
21	CTTL Đắk Cai	Trường Xuân	273,500	Tự do	-1,20	203,670	74	Không đảm bảo	
IV	Huyện Tuy Đức		13.566,020			10.930,686	80,57		
1	Hồ Đắk RTih	Đắk R'Tih	2.224,000	Tự do	-0,70	2.011,900	90	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Buk So	Đắk Buk Sor	1.081,000	Tự do	-1,30	811,120	75	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Ría	Đắk R'Tih	1.049,000	Tự do	-1,30	923,036	88	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Ké	Quảng Trục	313,300	Tự do	-0,60	272,500	87	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Huyết	Quảng Trục	390,000	Tự do	-1,65	253,215	65	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Bliêng	Đắk R'Tih	709,000	Cửa van	-3,00	208,000	29	Không đảm bảo	
7	Đập Bon Đắk Bu Lum	Quảng Trục	138,470	Tự do	-2,00	66,470	48	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
8	Hồ Đắc Ké 2	Quảng Trục	403,700	Tự do	-1,70	262,600	65	Không đảm bảo	
9	Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)	Quảng Trục	107,900	Tự do	0,00	107,900	100	Đảm bảo	
10	Hồ Doãn Văn	Đắc R'Ti	728,400	Tự do	-1,90	291,400	40	Không đảm bảo	
11	Đập Đắc Bu Riley	Đắc R'Ti	115,520	Tự do	0,00	115,520	100	Đảm bảo	
12	Hồ Đắc BLung	Đắc Buk Sor	562,300	Tự do	-0,65	432,365	77	Đảm bảo	
13	Đập Đắc Glun 1	Đắc Ngo	460,800	Tự do	-0,60	392,400	85	Đảm bảo	
14	Đập Đắc Glun 2	Đắc Ngo	460,800	Tự do	-0,20	440,000	95	Đảm bảo	
15	Đập Đắc Glun 3	Đắc Ngo	562,500	Tự do	-0,50	505,000	90	Đảm bảo	
16	Đập Đắc Rma	Đắc Buk Sor	335,800	Tự do	0,00	335,800	100	Đảm bảo	
17	Đập Đắc Huyt 4	Quảng Trục	377,830	Tự do	-0,40	313,830	83	Đảm bảo	
18	Đập D2	Quảng Trục	815,000	Tự do	0,00	815,000	100	Đảm bảo	
19	Hồ Số 1	Đắc Ngo	650,000	Tự do	-0,50	585,000	90	Đảm bảo	
20	Hồ Số 2	Đắc Ngo	287,000	Tự do	-1,30	229,600	80	Đảm bảo	
21	Hồ Số 3	Đắc Ngo	311,000	Tự do	-1,60	248,800	80	Đảm bảo	
22	Hồ Số 4	Đắc Ngo	252,000	Tự do	-0,90	201,600	80	Đảm bảo	
23	Hồ Đắc Tiên Tranh	Đắc Buk So	1.230,700	Tự do	-1,10	1.107,630	90	Đảm bảo	
V	Huyện Đắc RLấp		26.907,690			24.544,120	91,22		
1	Hồ Đắc RTang	Kiến Thành	1.340,000	Tự do	-0,80	1.234,722	92	Đảm bảo	
2	Hồ Thôn 2 (Đắc Sin)	Đắc Sin	1.213,250	Cửa van	-0,86	1.112,210	92	Đảm bảo	
3	Hồ Cầu Tư	Nghĩa Thắng	7.960,000	Tự do	-4,30	6.699,610	84	Đảm bảo	
4	Hồ Nhân Cơ	Nhân Cơ	452,000	Cửa van	-0,40	424,390	94	Đảm bảo	
5	Đập Quảng Lộc	Đạo Nghĩa	1.103,000	Tự do	-0,30	1.084,420	98	Đảm bảo	
6	Hồ Đắc Côn	Đạo Nghĩa	773,810	Tự do	-0,60	712,520	92	Đảm bảo	
7	Hồ Đắc Sinh (Hồ thôn 5)	Đắc Sin	1.164,440	Tự do	-0,02	1.155,000	99	Đảm bảo	
8	Thủy lợi Bầu Muối	Nhân Đạo	938,900	Tự do	-1,50	843,000	90	Đảm bảo	
9	Hồ Đắc Nêr	Nhân Đạo	1.000,700	Tự do	-0,15	990,410	99	Đảm bảo	
10	Hồ Thôn 11	Nhân Cơ	461,300	Tự do	-0,25	455,990	99	Đảm bảo	
11	Hồ Số 3	Nhân Cơ	183,600	Tự do			0	Đảm bảo	
12	Hồ Thôn 12	Nhân Cơ	403,030	Tự do	-0,28	391,940	97	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 5	Đắc Sin	702,070	Tự do	-0,15	693,940	99	Đảm bảo	
14	Đập Thôn 5	Đắc Sin	745,000	Tự do	-0,65	695,030	93	Đảm bảo	
15	Hồ Đắc Sin	Đắc Sin	686,060	Tự do	-0,95	625,630	91	Đảm bảo	
16	Hồ Đắc Blao	TT Kiên Đức	264,480	Tự do	-0,40	246,800	93	Đảm bảo	
17	Thủy lợi Đa Dung	TT Kiên Đức	289,400	Tự do	-0,80	278,040	96	Đảm bảo	
18	Hồ Đắc RMur	Nhân Đạo	764,350	Tự do	-1,00	710,540	93	Đảm bảo	
19	Hồ Đắc Rsung	Nhân Đạo	494,000	Tự do	-0,05	491,000	99	Đảm bảo	
20	Hồ Bon Pi Nao	Nhân Đạo	916,700	Tự do	-1,20	834,910	91	Đảm bảo	
21	Hồ Sa Da Co	Quảng Tín	350,000	Tự do	0,00	350,000	100	Đảm bảo	
22	Hồ Thôn 9 Quảng Tín	Quảng Tín	517,000	Tự do	0,05	517,000	100	Đảm bảo	
23	Thủy lợi Đắc Xá	Quảng Tín	408,100	Tự do	-0,50	386,530	95	Đảm bảo	
24	Hồ Đắc Ru I	Đắc Ru	422,000	Tự do	0,00	422,000	100	Đảm bảo	
25	Hồ Đắc Ru II	Đắc Ru	458,900	Tự do	-0,45	447,550	98	Đảm bảo	
26	Hồ Đắc Tát	Hưng Bình	544,000	Tự do	-1,50	446,820	82	Đảm bảo	
27	Đập thôn 8 Đắc Sin	Hưng Bình	418,100	Cửa van	-0,50	396,518	95	Đảm bảo	
28	Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)	Kiến Thành	610,300	Tự do	-0,30	596,540	98	Đảm bảo	
29	Hồ Thôn 2	Quảng Tín	120,000	Tự do	0,05	120,000	100	Đảm bảo	
30	Hồ Bon Bu Ja Rá	Nghĩa Thắng	494,000	Tự do	0,10	494,000	100	Đảm bảo	
31	Hồ Đắc Krung	Đắc Wer	532,000	Tự do	-0,25	513,320	96	Đảm bảo	
32	Đập Đắc Jeng Tung	Kiến Thành	177,200	Cửa van	-0,20	173,74	98	Đảm bảo	
VI	Huyện Đắc GLong		11.656,600			9.938,940	85,26		
1	Hồ Thủy điện	Quảng Sơn	1.200,000	Tự do	0,01	1.200,000	100	Đảm bảo	
2	Hồ Công ty 847	Quảng Sơn	1.098,450	Tự do	-0,85	959,050	87	Đảm bảo	
3	Hồ Đắc Hlang	Quảng Khê	524,170	Tự do	-0,60	468,970	89	Đảm bảo	
4	Hồ Trường Học	Quảng Khê	190,000	Tự do	0,15	190,000	100	Đảm bảo	
5	Nao Ma A	Quảng Khê	568,800	Tự do	-0,80	522,400	92	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đơi)	Quảng Khê	410,300	Tự do	0,00	410,300	100	Đảm bảo	
7	Hồ Thôn 4	Quảng Khê	356,320	Tự do	-0,70	310,820	87	Đảm bảo	
8	Hồ Đắc Srê	Quảng Khê	732,900	Tự do	-1,20	508,500	69	Đảm bảo	
9	Hồ Thôn 3	Quảng Khê	350,000	Tự do	0,00	350,000	100	Đảm bảo	
10	CTTL N'Jer	Quảng Khê		Tự do	-0,76			Đảm bảo	
11	Hồ Băi Rai	Quảng Khê		Tự do	-0,95			Đảm bảo	
12	Hồ Bì Zê Rê	Đắc Som	332,700	Tự do	-0,70	290,700	87	Đảm bảo	
13	Hồ BDong	Đắc Som	400,000	Tự do	0,00	400,000	100	Đảm bảo	
14	Thủy lợi Thôn 5	Đắc Som	241,400	Tự do	-3,90	81,500	34	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
15	Hồ Chum Ia	Đắc Som		Tự do	-0,02			Đảm bảo	
16	Hồ Thôn 1	Đắc Ha	84,000	Tự do	-0,68	70,400	84	Đảm bảo	
17	Hồ Đắc Bông	Đắc Ha	165,120	Tự do	-0,45	151,170	92	Đảm bảo	
18	Hồ Đắc Ha	Đắc Ha	691,000	Tự do	-1,60	571,000	83	Đảm bảo	
19	Hồ Đắc R'Tieng	Đắc Ha	169,340	Tự do	-0,60	150,080	89	Đảm bảo	
20	Hồ Trảng Ba	Đắc Ha	270,000	Tự do	-2,70	189,000	70	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
21	Hồ Đắc Snao	Đắc R'măng	594,800	Tự do	-0,33	519,890	87	Đảm bảo	
22	Hồ Đa Hang Lang	Đắc R'măng		Tự do	-0,56			Đảm bảo	
23	Hồ Đèo 52(Hồ 831)	Quảng Sơn	240,000	Tự do	-2,50	102,250	43	Đảm bảo	Thiếu nước cuối vụ
24	Hồ Đắc Snao 1(Hồ 882A)	Quảng Sơn	560,250	Tự do	-2,00	358,250	64	Đảm bảo	
25	Hồ Đắc Snao 2(Hồ 882B)	Quảng Sơn	145,000	Tự do	-1,70	89,800	62	Đảm bảo	
26	Hồ Đắc Snao 3	Quảng Sơn	620,520	Tự do	-0,05	614,850	99	Đảm bảo	
27	Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar	Quảng Sơn	625,500	Tự do	-1,30	466,900	75	Đảm bảo	
28	Thủy lợi Đắc Nder 2	Quảng Sơn	456,030	Tự do	-0,40	388,110	85	Đảm bảo	
29	Hồ Km41	Quảng Sơn	370,000	Tự do	-0,25	329,500	89	Đảm bảo	
30	Hồ Ba Trong	Quảng Sơn	260,000	Tự do	-0,25	245,500	94	Đảm bảo	
VII	Huyện Đắc Mil		20.262,220			13.392,582	66,10		
1	Công trình hồ Đắc Săk	Đức Minh	7.747,500	Tự do	-2,60	5.220,300	67	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Dung tích toàn phần (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (hồ chứa) hoặc MNTK (trạm bơm) (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
2	Hồ Tây	TT Đắk Mil	2.830,480	Tự do	-0,95	2.033,610	72	Đảm bảo	
3	Hồ Núi lửa	Thuận An	620,000	Tự do	-2,03	220,945	36	Không đảm bảo	Cuối vụ
4	Công trình Đập Đắk Puer	Thuận An	350,000	Cửa van	-2,45	116,025	33	Không đảm bảo	Cuối vụ
5	Công trình Đập Đắk Goun thượng	Thuận An	498,000	Cửa van	-1,97	247,280	50	Đảm bảo	
6	Công trình Đập Yok Lom	Thuận An	513,960	Tự do	-1,35	380,315	74	Đảm bảo	
7	Công trình Đập Jun Juh	Đức Minh	618,680	Cửa van	-1,25	276,528	45	Đảm bảo	
8	Công trình hồ Đắk Sai	Đắk Lao	133,400	Cửa van	-2,64	87,850	66	Đảm bảo	
9	Công trình hồ Đắk Mбай	Đắk Lao	91,600	Cửa van	-3,50	38,956	43	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
10	Công trình hồ Đắk Ken (6B)	Đắk Lao	30,000	Tự do	-0,46	21,505	72	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 2,3,4
11	Công trình hồ Đắk Louu	Đắk Lao	55,000	Tự do	<MNC	7,300	13	Hết nước	Cà phê thiếu đợt 3,4
12	Công trình Đắk Rla	Đắk N'DRót	165,000	Tự do	-1,80	63,300	38	Đảm bảo	
13	Công trình Đô Ry I	Đắk Rla	283,500	Cửa van	-1,80	187,413	66	Đảm bảo	
14	Công trình Đô Ry II	Đắk Rla	1.314,050	Cửa van	-2,74	925,274	70	Đảm bảo	
15	Công trình Đắk N'DRót	Đắk N'DRót	220,000	Tự do	-3,50	87,600	40	Đảm bảo	
16	Công trình Đắk Láp	Đắk Găn	165,000	Tự do	-2,40	40,200	24	Đảm bảo	
17	Công trình Đắk Goun	Đắk N'DRót	192,300	Cửa van	-2,10	76,847	40	Đảm bảo	
18	Công trình thủy lợi Mạnh Tiến	Đức Mạnh	50,000	Cửa van	-0,20	42,320	85	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
19	Công trình hồ Vạn Xuân	TT Đắk Mil	37,500	Tự do	1,19	18,741	50	Không đảm bảo	
20	Đập ông Truyền	Đức Minh	30,000	Tự do	-1,05	6,769	23	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
21	Đập ông Hiền	Đức Minh	30,000	Tự do	-1,20	10,800	36	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
22	Hồ E29	Đắk Sắk	720,000	Tự do	0,01	720,000	100	Đảm bảo	
23	Đập Sapa (Hồ đội 3)	Thuận An	45,000	Tự do	-0,20	39,200	87	Đảm bảo	
24	Hồ Bu Đắk	Thuận An	475,000	Tự do	-1,00	337,500	71	Đảm bảo	
25	Hồ Nông trường Thuận An	Thuận An	315,000	Tự do	-3,00	102,857	33	Đảm bảo	
26	Hồ Lâm trường Thuận An	Thuận An	285,000	Tự do	-1,50	178,125	63	Đảm bảo	
27	Hồ Lâm trường Đắk Găn	Đắk Găn	61,250	Tự do	-2,35	16,306	27	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
28	Hồ Thác Hôn	Đức Mạnh	1.275,000	Tự do	-2,25	957,750	75	Đảm bảo	
29	Hồ Đội 2	Thuận An	288,000	Tự do	-0,55	225,781	78	Đảm bảo	
30	Hồ Đội 1	Đắk Lao	600,000	Tự do	-0,15	570,375	95	Đảm bảo	
31	Hồ Đội 35	Đắk Lao	110,000	Tự do	-0,52	93,955	85	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
32	Hồ Đội 40	Đắk Lao	102,000	Tự do	-1,80	30,855	30	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
33	Thọ Hoàng	Đắk Sắk	10,000	Tự do	0,02	10,000	100	Đảm bảo	
VIII	Huyện Cư Jút		12.110,150			3.890,320	32,12		
1	Hồ Đắk Diêr	Cư Knia	5.500,600	Tự do	-3,50	2.103,030	38	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Đrông	Đắk Đrông	3.766,700	Cửa van	-3,86	1.077,940	29	Không đảm bảo	Cuối vụ
3	Hồ Buôn Buôr	Tầm thắg	298,520	Cửa van	-2,50	164,330	55	Đảm bảo	
4	Hồ Cư Pu	Nam Dong	424,000	Tự do	-6,40	7,950	2	Không đảm bảo	
5	Hồ Tiểu Khu 839	Đắk Wil	194,250	Tự do	-2,30	41,000	21	Đảm bảo	
6	Hồ Tiểu Khu 840	Đắk Wil	614,060	Tự do	-2,80	225,920	37	Đảm bảo	
7	Hồ Ea Dier	Đắk Đrông	392,520	Tự do	-4,20	39,380	10	Không đảm bảo	Cuối vụ
8	Hồ Trúc Sơn	Trúc Sơn	919,500	Cửa van	-4,50	230,770	25	Không đảm bảo	Cuối vụ
9	Trạm bơm Ea Pô	Ea Pô						Không đảm bảo	Cuối vụ
170	TỔNG CỘNG:		126.439,310			97.692,373	77,26		